

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 2666/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kết quả điều chỉnh trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực lập dự án đầu tư khai thác tại núi Nhót, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá
(Trữ lượng tính đến ngày 25 tháng 5 năm 2017)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Nhót, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 4990/UBND-CN ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh về việc chủ trương cấp phép thăm dò, khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Toàn Minh tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 25/5/2017;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 15/6/2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 800/TTr-STNMT ngày 12/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả điều chỉnh trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực lập dự án đầu tư khai thác tại núi Nhót, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá” với các nội dung sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực mỏ là 1,6 ha; trong đó, diện tích tham gia tính trữ lượng là 1,45 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 3, 6, 7, 8; diện tích không có trữ lượng là 0,15 ha (chi tiết có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và bản vẽ số 02).

2. Trữ lượng khoáng sản:

2.1. Trữ lượng địa chất cấp 122 là: 322.160 m³, trong đó:

- Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 312.495 m³.
- Đá khối tận thu làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát: 9.665 m³.

2.2. Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác: 211.713 m³;

- Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 205.361 m³;
- Đá khối tận thu làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát: 6.352 m³.

3. Mức sâu các khối tính trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo;

Trữ lượng của từng khu vực, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

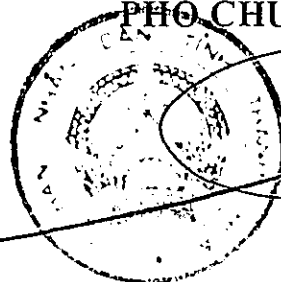
1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty CP Toàn Minh;
- TT Thông tin lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ THAM ĐO, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN TẠI
NÚI NHỐT, XÃ VĨNH AN, HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 2666/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>Kinh tuyến trục 105° múi chiếu 3°</i>		Diện tích (ha)
		X	Y	
1	3	2211081.61	576142.07	1,6
2	6	2211009.27	576011.12	
3	7	2210908.75	576080.48	
4	8	2211043.08	576208.29	

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN KHU VỰC THĂM DÒ TẠI
NÚI NHÓT, XÃ VĨNH AN, HUYỆN VĨNH LỘC**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 2666/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng	Trữ lượng (m ³)		Ghi chú
			Đá vôi làm VLXD thông thường	Đá vôi tận thu sản xuất đá ốp lát	
1	KI-122	+20,0 m	34.627	1.071	
2	KII-122		173.902	5.378	
3	KIII-122		103.966	3.215	
Tổng trữ lượng cấp 122			312.495	9.665	